

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **493/2022/HNGĐ-PT**  
Ngày 23-8-2022  
Về việc “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

*Các Thẩm phán:*

1. Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

2. Bà Phạm Thị Thu Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2022/TLPT-HNGĐ ngày 07/7/2022 về “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án sơ thẩm số 620/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4265/2022/QĐ-PT ngày 03/8/2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1951 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 157/20 B, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Diệp Thị Hồng V, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 157/20 B, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Luật sư Lê Xuân H – Văn phòng Luật sư H1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – bà Diệp Thị Hồng V.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn – ông Nguyễn Quang T trình bày:

Ông T và bà V tự nguyện chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 07/01/2012. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, hai bên có sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, giữa ông T và bà V bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng về tính cách cũng như về quan điểm sống. Bà V có sự bê trễ trong công việc gia đình và thường xuyên dùng những lời lẽ thô tục để xúc phạm ông T. Do phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông T đã nhiều lần nộp đơn ra Tòa xin ly hôn nhưng sau khi được sự hòa giải, động viên của Tòa án và cũng vì con còn nhỏ nên ông T lại rút đơn. Nhưng thời gian gần đây mâu thuẫn ngày càng lớn, ông T và bà V thường xuyên xảy ra cãi vã, lớn tiếng trong nhà. Ông T nhiều lần muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể thay đổi được tình hình và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng khiến cho cuộc sống chung trở nên ngột ngạt. Ông T và bà V đã sống ly thân từ tháng 05/2021 đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Quang M, sinh ngày 16/5/2015. Ông T đồng ý giao con cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – bà Diệp Thị Hồng V trình bày:

Bà V và ông T chung sống từ năm 2011, đến năm 2012 thì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, quận G. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng phát sinh sau khi kết hôn khoảng một năm. Nguyên nhân do ông T nói bà V là người không đáng hoàng, ông T hay nghe lời bạn bè xúi giục và nghi ngờ bà V. Khi con còn nhỏ bà V ở nhà làm công việc nội trợ nhưng lúc nào ông T cũng nói bà V ăn bám. Ông T có những lời lẽ xúc phạm bà V qua tin nhắn và có lần đã dùng vũ lực đối với bà V. Ngoài ra, giữa bà V và ông T còn có những mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày như việc ăn uống, ngủ nghỉ. Do có nhiều mâu thuẫn nên bà V và ông T đã nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án nhiều lần, nhưng sau khi được hòa giải thì hai bên rút đơn đoàn tụ gia đình. Lần này ông T nộp đơn ly hôn một lần nữa nhưng bà V không đồng ý ly hôn vì lý do con còn nhỏ nên muốn có sự chăm sóc của cả cha và mẹ. Mặc dù giữa bà và ông T có nhiều mâu thuẫn nhưng hiện nay ông T tuổi đã cao không thể tự chăm sóc bản thân nên bà V muốn ở bên cạnh để chăm sóc ông T lúc tuổi già. Mặt khác do bà và ông T chưa thỏa thuận được với nhau về tài sản chung nên bà V không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà V yêu cầu được **trực tiếp** nuôi con chung tên Nguyễn Quang M , sinh ngày 16/5/2015 và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Về tài sản chung: Bà V yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: khóm N, Phường S, thành phố S1, mỗi người  $\frac{1}{2}$ .

Đối với căn nhà số 157/20 B, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, tại đây bà V sống chung với ông T đến nay là 10 năm, bà V có công chăm sóc, trông coi, quản lý ngôi nhà và để đảm bảo cuộc sống sau này của hai mẹ con, thuận tiện trong việc học tập của con nên bà V yêu cầu được nhận một phần căn nhà với chiều ngang 4,5m, chiều sâu khoảng 17m.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 620/2022/HNGĐ-ST ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 200, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quang T được ly hôn với bà Diệp Thị Hồng V (Giấy chứng nhận kết hôn số 02, do Ủy ban nhân dân Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/01/2012 hết hiệu lực).

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Quang M , sinh ngày 16/5/2015 cho bà Vân trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 5.000.000 (năm triệu) đồng cho đến khi trẻ Nguyễn Quang M đủ 18 tuổi. Bắt đầu thi hành kể từ tháng 05/2022.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ khi bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chưa thi hành việc cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/5/2022, bị đơn bà Diệp Thị Hồng V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Quang T đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Diệp Thị Hồng V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Bị đơn bà V có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng chỉ yêu cầu miệng, không gửi đơn đến Tòa cấp sơ thẩm để yêu cầu giải quyết. Nhận thấy, trong vụ án ly hôn các mối quan hệ về hôn nhân, con chung, tài sản chung phải được xem xét, giải quyết rõ ràng. Ông T không cung cấp cho Tòa các chứng cứ về tài sản chung và ông cho rằng tài sản chung vợ chồng do đôi bên tự thỏa thuận nhưng các bên không thỏa thuận được. Do cấp sơ thẩm chưa giải quyết triệt để toàn bộ hồ sơ vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về hình thức: Căn cứ Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự đơn kháng cáo của bà Vân còn trong hạn luật định nên được xem xét chấp nhận.

Về nội dung:

Bà V kháng cáo về việc yêu cầu chia tài sản chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm bà Vân không nộp đơn yêu cầu. Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích và đề nghị bà V nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung. Tại Khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định ... “Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải....” nhưng bà V vẫn không thực hiện và cho rằng bà là bị đơn nên bà không nộp đơn, ông T là nguyên đơn thì ông T phải nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung. Do bà V không nộp đơn yêu cầu nên tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ thụ lý, giải quyết là có cơ sở. Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Diệp Thị Hồng V không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm nên đã có đơn xin kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của bà V làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét.

[2] Xét kháng cáo của bà V về việc yêu cầu chia tài sản chung:

Bà V có yêu cầu được phân chia tài sản chung là được nhận  $\frac{1}{2}$  quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ khóm N, Phường S, thành phố S1.

Đối với căn nhà số 157/20 đường B, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bà yêu cầu được chia một phần căn nhà với chiều ngang 4,5m, chiều dài khoảng 17m.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm, bà V có yêu cầu chia tài sản chung nhưng bà không nộp đơn yêu cầu nên tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ để thụ lý theo yêu cầu của bà. Mặt khác, trong các biên bản hòa giải vào các ngày 02/11/2021; ngày 30/12/2021; ngày 31/3/2022 và tại phiên Tòa xét xử sơ thẩm ngày 17/5/2022 bà V cũng thừa nhận đã được Tòa án nhiều lần giải thích về việc phải nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung để Tòa án có căn cứ thụ lý, giải quyết nhưng bà V không thực hiện và cho rằng bà là bị đơn nên bà không nộp đơn, ông T là nguyên đơn thì ông T phải nộp đơn yêu cầu chia tài sản (BL: 105;106).

Đối với tài sản chung ông T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Căn cứ vào Điều 5; Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa cấp sơ thẩm đã không thụ lý, xem xét giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà V. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác là có cơ sở, đúng quy định pháp luật và bảo vệ lợi ích hợp pháp cho đương sự.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà Vân, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà V không được chấp nhận nên bà V phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

### **Xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Diệp Thị Hồng V .

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 620/2022/HNGĐ-ST ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quang T được ly hôn với bà Diệp Thị Hồng V (Giấy chứng nhận kết hôn số 02, do Ủy ban nhân dân Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/01/2012 hết hiệu lực).

2.2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Quang M , sinh ngày 16/5/2015 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 5.000.000 (năm triệu) đồng cho đến khi trẻ Nguyễn Quang M đủ 18 tuổi. Bắt đầu thi hành kể từ tháng 05/2022.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ khi bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chưa thi hành việc cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về tài sản chung: Không xét.

2.4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quang T được miễn nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Diệp Thị Hồng V chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0048410 ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận G, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận G, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.(Linh/12b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thị Thủy Tiên**